

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HS-ST

Ngày: 28-6-2019

**NH DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng.

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vệ;
Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hiền – Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 52/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Trúc A, sinh ngày: 28-01-1991, tại Đồng Tháp; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 5, ấp TH, xã TTT, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Họ và tên cha: Nguyễn Văn Ch; Họ và tên mẹ: Đỗ Thị Hồng H; Có 02 con, con lớn 08 tuổi, con nhỏ 07 tuổi; Bị cáo có 05 Ah em, bị cA là con thứ 5 trong gia đình.; Tiền án, tiền sự: Không. Bắt tạm giam: Ngày 05/4/2019. Hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam Công An tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Cao Phước T, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 5, ấp TH, xã TTT, Thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Trúc A và Nh quen biết nhau khi A phụ bán quán cà phê tại Bình Dương, A đã nhiều lần dẫn Nh về nhà chơi. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 20-02-2019, Nh rủ A đi ra trung tâm thành phố Cao Lãnh chơi nên A mượn xe mô tô biển số 66P2-009.13 của bà Đỗ Thị Hồng H (mẹ ruột của A) đưa Nh chở

đi. Trên đường đi, Nh rủ A tìm xe mô tô trộm đem về thành phố Hồ Chí Minh làm phương tiện đi lại, Nh nói có dụng cụ mở khóa xe (cây đoản) đem theo và A đồng ý. Nh chở A đến Công viên VM, ven đường L, thuộc khóm 5, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tìm xe mô tô để trộm cắp. Nh đậu xe trên vỉa hè đường L và bảo A ngồi trên xe đợi, giả vờ không quen biết với Nh, không gọi hay nói chuyện với Nh trong lúc Nh tìm xe trộm cắp. A ngồi trên xe, Nh xuống xe đi xung quanh tìm xe để trộm. Lúc này A thấy Anh Cao Phước T, sinh năm 1997, ngụ khóm A, phường B, thành phố Cao Lãnh, điều khiển xe mô tô biển số 66P1-744.67 nhãn hiệu Honda, màu vàng đen bạc, để trên vỉa hè cách chỗ A khoảng 02 mét, chìa khóa còn cắm trong ổ khóa, không người trông coi. Nh nhanh chóng lấy xe nổ máy chạy đi. Khi chạy ngang chỗ A, Nh kêu A “Đi đi” và A biết là Nh đã trộm được xe. A điều khiển xe chạy theo phía sau Nh nên A thấy biển số xe là 66 các số sau thì không rõ, xe màu vàng cam. Nh điều khiển xe đi đâu A không rõ. Khi A về đến nhà thì thấy anh Nguyễn Chí Tâm, sinh năm 1983, ngụ tổ 5, ấp Tân Hùng, xã TTT, đAg ngồi nhậu cùng một người bạn trước nhà, A cất xe vào nhà và ngồi nhậu chung. Một lúc sau Nh về, lúc này biển số xe đã thay đổi thành 64D1-266.27, khi Nh để xe trộm trước nhà của A thì anh T nhìn thấy và nói: “Chạy xe 64 Vĩnh Long luôn bây”. Nh vào nhậu chung một lúc thì anh T và bạn của A về. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Nh dùng xe trộm cắp được chở A đi thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22-02-2019, Nh nói với A là vào trường xem cháu đi học bị người ta hiếp đáp, Nh điều khiển xe mô tô biển số 64D1-266.27 chở A đến trường Tiểu học Thới Thạnh, thuộc ấp 1, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh. Đến nơi, Nh bảo A ngồi trên xe đợi, Nh vào trong dùng đoản mở khóa xe mô tô để trộm thì bị phát hiện, Nh bỏ trốn, Công An xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn bắt giữ A và thu giữ xe mô tô gắn biển số 64D1-266.27.

Qua xác minh, A thừa nhận xe mô tô gắn biển số 64D1-266.27 là cùng Nh trộm cắp tại Công viên VM thuộc phường 1, thành phố Cao Lãnh. Công An xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh chuyển vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Lãnh thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 28/KL-ĐGTS ngày 01/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Wave, màu vàng đen bạc (biển số giả 64D1-266.27) biển số đúng 66P1-744.67, số máy HC12E7260583, số khung 1250FY260515, đã qua sử dụng, có giá trị 13.000.000 đồng.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Wave, màu vàng đen bạc, biển số 66P1-744.67, số máy HC12E7260583, số khung 1250FY260515 do ông Cao Thanh T làm chủ phương tiện. Ngày 05/3/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công An thành phố Cao Lãnh tiến hành trả xe mô tô trên cho ông T, ông T nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Đối với biển số xe mô tô 64D1-266.27, qua tra cứu xác định là tài sản của chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1989, ngụ số 221, tổ 6, ấp A, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Chị D mua xe vào năm 2015, giá 18.500.000 đồng, bị mất trộm vào ngày 14/02/2019 tại khu phố Th, phường AT, thị xã Thuận A,

tỉnh Bình Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Lãnh nhập kho vật chứng biển số xe mô tô 64D1-266.27 và đã gửi công văn phối hợp điều tra với Công An thị xã Thuận A để làm rõ vụ mất trộm xe mô tô biển số 64D1-266.27.

Đối với hành vi của Nh, do chưa rõ Nh thân nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Lãnh chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

Trong quá trình điều tra Nguyễn Thị Trúc A thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung đã nêu trên, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án. Quá trình điều tra, nhằm đảm bảo tính khách quan của vụ án, Cơ quan điều tra có đặt máy Camera ghi hình ảnh có âm thanh trong lúc ghi lời khai và tự khai của Nguyễn Thị Trúc A. Cơ quan điều tra đã sao lưu đưa vào hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát Nh Nh thành phố Cao Lãnh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Trúc A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Trúc A với mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được traA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện phù hợp pháp luật.

[2] Những chứng cứ xác định có tội, cấu thành tội phạm và điều luật áp dụng:

Đây là vụ án trộm cắp tài sản do Nh và Nguyễn Thị Trúc A cùng thực hiện. Trong vụ án này A với vai trò là người giúp sức cho Nh. Lợi dụng chủ sở hữu không trông coi tài sản, khoảng 20 giờ ngày 20-02-2019 Nh và A đã lén lút chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 66P1-744.67 của Ah Cao Thanh T trị giá 13.000.000 đồng tại Công viên VM thuộc khóm 5, phường 1, thành phố

Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Thời điểm chiếm đoạt xe trên anh Cao Phước T đang quản lý, sử dụng.

Lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, lời luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa cho rằng bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn T có căn cứ nên chấp nhận. Bị cáo thừa nhận lời luận tội của Kiểm sát viên là đúng người, đúng tội, đúng với tính chất, mức độ và hành vi của bị cáo gây ra.

Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện chứng tỏ việc phạm tội của bị cáo là cố ý và tội phạm đã hoàn thành.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015

Tại Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2...

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Do đó, cần phải áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để có thời gian học tập, cải tạo, trở thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội sau này. Đồng thời, cũng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thật thà khai báo tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: không có.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản xong không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt vấn đề giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyễn Thị Trúc A phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Trúc A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Trúc A 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày 05-4-2019.

* Về xử lý vật chứng:

Bị hại đã nhận lại tài sản xong không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt vấn đề giải quyết.

* Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Nguyễn Thị Trúc A phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án Nh dân tỉnh Đồng Tháp.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TPCL;
- VKDND tỉnh Đồng Tháp;
- CQĐT Công A TPCL;
- CQTHAHS Công A TPCL;
- Trại tạm giam CA tỉnh ĐT;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Tùng